TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **38** /2023/QĐST-HNGĐ	Hòa Vang, ngày 11 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1986 và bà **Thi Thị Q**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q trình bày:

Ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2010 ngày 06 tháng 01 năm 2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn A, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng.Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, nhiều lần ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q tự hoà giải với nhau nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Thành R, sinh ngày 17/11/2009 và Nguyễn Thi Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2015. Ly hôn, ông L và bà Q thoả thuận giao con Nguyễn Thành R, sinh ngày 17/11/2009 cho bà Thi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thi Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2015 cho ông Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thoả thuận về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thoả thuận này.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q xác nhận không có nên Toà án không đề cập giải quyết.

[4] *Lệ phí:* Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Thành R, sinh ngày 17/11/2009 và Nguyễn Thi Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2015. Ly hôn, ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q thoả thuận giao con Nguyễn Thành R, sinh ngày 17/11/2009 cho bà Thi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thi Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2015 cho ông Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Tài sản chung và nợ chung:* Không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 09216 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Như vậy, ông Nguyễn Thành L và bà Thi Thị Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H,
thành phố Đà Nẵng;
(Số ĐKKH: 02/2010 ngày 06/01/2010);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đức Thọ